

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **12/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 03 - 3 - 2021

V/v tranh chấp: *Ly hôn giữa bà*

Ka T và ông Q.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Hà**

2. Ông **Phạm Đức Minh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày **03** tháng **3** năm **2021** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 198/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự.

* **Nguyên đơn:** Bà **Ka T**, sinh năm: 1992. Địa chỉ cư trú: Tổ 16, Thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

* **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Thành Q**, sinh năm: 1987. Địa chỉ cư trú: Hẻm 41 Lạc Long Quân, Tổ 2, Thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Ka T trình bày:

* *Về hôn nhân:*

Bà Ka T và ông Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 19/6/2017. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp. Vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, cuộc sống không có hạnh phúc. Ông Q thường

xuân nhận nhệ say sin rồi về nhà quậ phá, đánh đập bà Ka T. Đến khoảng năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Ka T yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Còn ông Q mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy không có lời khai của ông Q tại Tòa án.

** Về con chung:* Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 22/12/2017. Khi ly hôn, bà Ka T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C cho đến đủ tuổi thành niên và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ.

** Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Ka T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Ka T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ka T; Xử cho bà Ka T được ly hôn với ông Nguyễn Thành Q;

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 22/12/2017 cho bà Ka T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên. Buộc ông Nguyễn Thành Q phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ka T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến;

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Bà Ka T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc tranh chấp “Ly hôn” với ông Nguyễn Thành Q. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Ka T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Thành Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội

đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Ka T và ông Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 19/6/2017. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Ka T và ông Q là hoàn toàn hợp pháp.

Quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp, nhiều lần xảy ra cãi vã, cuộc sống không có hạnh phúc. Ông Q thường xuyên nhận nhệch say sưa rồi về nhà quậy phá, đánh đập bà Ka T. Do mâu thuẫn nên đến năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Ka T yêu cầu được ly hôn với ông Q. Còn ông Q mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ ông Q không có nguyện vọng mong muốn được trở về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, bà Ka T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ka T, xử cho bà Ka T được ly hôn với ông Q.

- *Về con chung:* Vợ chồng bà Ka T và ông Q chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 22/12/2017. Khi ly hôn, bà Ka T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C cho đến đủ tuổi thành niên.

Xét thấy, hiện nay cháu C còn nhỏ, đang có cuộc sống ổn định với bà Ka T. Bà Ka T cho rằng mình có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của Ka T về việc nhận nuôi con chung; giao 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc C cho bà Ka T tiếp tục có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

- *Về cấp dưỡng:* Bà Ka T yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Yêu cầu này của bà Ka T là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Ka T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Buộc bà Ka T phải chịu 300.000đ tiền án phí phí ly hôn sơ thẩm. Buộc ông Q phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ka T đối với ông Nguyễn Thành Q về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho bà Ka T được ly hôn với ông Nguyễn Thành Q.

2/ Về con chung:

Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 22/12/2017 cho bà Ka T tiếp tục có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Thành Q phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*), thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí:

Bà Ka T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Ka T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004615 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Ka T đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Nguyễn Thành Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/3/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- UBND TT. L, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường